

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-PT

Ngày: 13-5-2022

V/v tranh chấp về yêu cầu bồi thường
thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi
thường của Nhà nước trong hoạt
động thi hành án dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Phan Thị Mai Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021, của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở phiên tòa số: 60/TA-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ 20 (tổ 6 cũ), ấp C, xã H4, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Hồ Minh H, sinh năm 1983; cư trú tại: Số 325/31/6 Phú Định, phường 16, quận 8, Thành phố H1; chỗ ở hiện nay: Số 1148A H2, phường T2, quận 7, Thành phố H1 (theo Văn bản ủy quyền ngày 25-02-2020); vắng mặt.

1.2. Ông Trần Chí K, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 41/14 đường 35, khu phố 7, phường H3, thành phố T1, Thành phố H1; chỗ ở hiện nay: Số 1148A H2, phường T2,

quận 7, Thành phố H1 (theo Văn bản ủy quyền ngày 25-01-2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phương Văn T3 - Luật sư của Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H1; có mặt.

2. Bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành S - Chức vụ: Chi cục trưởng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn U - Chức vụ: Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (theo Văn bản ủy quyền ngày 10-9-2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị H5, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 6, tổ 3, ấp Giữa, xã H4, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: ấp Đá Hàng, xã H4, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Ông Trần Cát Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: khu phố 1/240A, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ô1, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thanh Y, sinh năm 1969 và ông Lý Hoàng V, sinh năm 1967; cư trú tại: khu phố 1/7A, tổ 12, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp Giữa, xã H4, huyện G, tỉnh Tây Ninh là Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Ngọc T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc T và người đại diện hợp pháp của bà T, ông Huỳnh Hồ Minh H và ông Trần Chí K trình bày: Ngày 15-6-2014, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh (viết Tòa án G), thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp về hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn bà Lê Ngọc T với bị đơn bà Lê Thị H5 và ông Nguyễn Văn M. Ngày 03-7-2014, Tòa án nhân dân huyện G ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2014/QĐ-BPKCTT (viết Quyết định số 07) bằng hình thức phong tỏa tài sản đối với diện tích 5.405 m², tại các thửa số 335, 336, 341, 342, tờ bản đồ số 7, theo bản đồ 299; tương ứng thửa mới số 16, 22, 27, tờ bản đồ số 52, diện tích 5.478,9 m², theo bản đồ 2005, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0373 QSDĐ/450803 ngày 07-10-1997 cho bà Lê Thị H5 đứng tên, đất tọa lạc ấp Chánh, xã H4, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án số: 57/2014/DS-ST ngày 30-9-2014 của Tòa án nhân dân huyện G (viết Bản án số: 57) tuyên buộc bà H5 và ông M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 322.770.000 đồng và tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án; ngày 23-10-2014, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ngày 27-10-2014 Chi cục

Thi hành án dân sự huyện G (viết CCTHADS G) ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 253/QĐ-CCTHA cho bà T.

Trước đó, ngày 26-9-2014 Tòa án G ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 214/2014/QĐST-DS (viết Quyết định số 214) giữa nguyên đơn ông Trần Cát Đ với bị đơn bà Lê Thị H5 và ông Nguyễn Văn M; theo Quyết định số 214, bà H5, ông M có nghĩa vụ trả cho ông Đăng số tiền 263.900.000 đồng và được ưu tiên thanh toán đối với phần đất mà bà T đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho ông Đăng; ngày 08-10-2014, ông Đăng có đơn yêu cầu thi hành án, ngày 10-10-2014 CCTHADS G ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 130/QĐ-CCTHA cho ông Đăng.

Ngày 05-12-2014, CCTHADS G ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành án số 19/QĐ-CCTHA, kê biên diện tích 5.405 m² của ông M, bà H5 để trả nợ cho ông Đăng theo Quyết định số 214, trong khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án G đối với diện tích 5.405 m² của ông M, bà H5 để đảm bảo thi hành án trả nợ cho bà T theo Bản án số 57 đang có hiệu lực. Bà T khiếu nại quyết định cưỡng chế thi hành án số 19 được CCTHADS G chấp nhận theo Quyết định số: 11/QĐ-CCTHA ngày 20-7-2015, nhưng CCTHADS G vẫn không thi hành án cho bà T. Ngày 06-01-2017, CCTHADS G giao 5.405 m² đất của ông M, bà H5 để trả nợ cho ông Đăng, do bà Đỗ Thanh Y đại diện, ngày 12-7-2017 CCTHADS G đã thi hành án xong cho ông Đăng.

Theo quy định pháp luật, bà T phải được ưu tiên nhận diện tích 5.405 m² để khấu trừ số tiền 322.770.000 đồng ông M, bà H5 phải trả cho bà T, nhưng đến ngày 25-6-2018 CCTHADS G thi hành cho bà T được 2.097.284 đồng do bán đấu giá tài sản khác, nên rút một phần yêu cầu khởi kiện. Khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bà T đã nộp 100.000.000 đồng tiền bảo đảm tại Ngân hàng, năm 2016 bà T có đơn xin nhận lại số tiền này, Tòa án G đã ra Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 01-6-2016, bà T đồng ý với quyết định này và đã nhận lại 100.000.000 đồng. Bà T đã làm đơn khiếu nại giám đốc thẩm đối với Quyết định số 214 của Tòa án G gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H1, ngày 10-4-2017 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H1 ra Thông báo giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm số 1298/TB-VC3-V2 trả lời không có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định số 214 của Tòa án G.

Bà T yêu cầu CCTHADS G có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 320.672.716 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 27-10-2014 đến ngày xét xử 19-11-2021, là 206.587.029 đồng, tổng cộng là 527.259.745 đồng. Bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 2.097.284 đồng.

Trường hợp Tòa án G chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc CCTHADS G bồi thường, nếu trong tương lai ông M, bà H5 có tài sản để thi hành án trả nợ theo Bản án số 57, thì bà T không yêu cầu được nhận số tiền này, mà đồng ý ký giao lại cho CCTHADS G.

Bị đơn, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, người đại diện hợp pháp ông

Huỳnh Văn Phương và ông Huỳnh Văn U trình bày: CCTHADS G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì trong quá trình tổ chức thi hành án và giao đất cho ông Đăng để trừ nợ, CCTHADS G căn cứ vào Quyết định số 214 của Tòa án G để thi hành là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. CCTHADS G đã tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do khi kê biên, cưỡng chế phần đất của ông M, bà H5 để thi hành cho ông Đăng CCTHADS G không cấp, tổng đạt văn bản này cho bà T, nên bà T khiếu nại và được CCTHADS G chấp nhận theo Quyết định giải quyết khiếu nại số: 11/QĐ-CCTHA ngày 20-7-2015.

Sau khi nhận được Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, CCTHADS G đã thi hành quyết định này và làm thủ tục ngăn chặn gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh G. Sau đó, ông Đăng làm đơn yêu cầu thi hành án trước bà T và nội dung Quyết định số 214 của Tòa án G xác định “*Tài sản thế chấp cho anh Đăng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00373 QSDD/450803 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 07-10-1997 do bà Lê Thị H5 đứng tên được ưu tiên thanh toán để thực hiện nghĩa vụ đối với số nợ nêu trên*”. Trong khi đó, theo Bản án số 57, bà T không được ưu tiên thanh toán, nên CCTHADS G không thể thi hành phần đất này cho bà T.

Năm 2016, CCTHADS G nhận được quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, CCTHADS G giao đất 5.405 m² cho ông Đăng là đúng. Việc CCTHADS G giao diện tích 5.405 m² cho ông Đăng trên cơ sở Quyết định số 214 và đã qua 03 lần bán đấu giá không có người mua, từ giá ban đầu 300.518.000 đồng xuống còn 231.248.601 đồng, khấu trừ các khoản chi phí còn lại 217.742.629 đồng để thanh toán số tiền nợ 263.900.000 đồng, do đó bà H5, ông M còn phải thanh toán cho ông Đăng 46.156.371 đồng nên không còn để chi trả cho bà T. CCTHADS G thực hiện đúng với quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài tài sản trên, bà H5, ông M còn phần đất khác, nên CCTHADS G đã kê biên bán tài sản này chia theo tỷ lệ cho bà T và những người được thi hành án khác, trong đó bà T đã nhận được số tiền thi hành án 2.097.284 đồng theo Bản án số 57. CCTHADS G không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H5 và ông Nguyễn Văn M trình bày: Tại Bản án số 57 của Tòa án G, buộc ông bà có nghĩa trả cho bà T số tiền nợ 322.770.000 đồng. Ngoài nợ bà T số tiền trên, ông bà còn nợ nhiều người khác và CCTHADS G đã tiến hành kê biên bán tài sản của ông bà để thanh toán cho các chủ nợ, nhưng không biết bà T nhận được tiền hay không. Hiện vợ chồng bà không còn tài sản nào khác để thi hành án. Việc CCTHADS G thi hành giao đất của ông bà cho ông Đăng đúng theo Quyết định số 214 của Tòa án G. Việc tranh chấp giữa bà T với CCTHADS G, ông bà không liên quan và cũng không có yêu cầu gì.

Ông Trần Cát Đ trình bày: Ngày 26-9-2014, Tòa án G ban hành Quyết định số 214 giữa ông với bà H5, ông M theo đó bà H5, ông M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 263.900.000 đồng và được ưu tiên thanh toán phần đất theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số 00373 QSDĐ/450803 ngày 07-10-1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà H5 đứng tên để trả nợ cho ông. CCTHADS đã tiến hành cưỡng chế, quyền sử dụng đất trên và giao cho ông. Sau đó, ông đã chuyển nhượng phần đất trên cho bà Đỗ Thanh Y và ông Lý Hoàng V. CCTHADS giao đất cho ông là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Ông không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa bà T và CCTHADS G, nên không yêu cầu gì.

Bà Đỗ Thanh Y và ông Lý Hoàng V trình bày: Trong quá trình thi hành án, ông Đăng ủy quyền cho bà Y đến CCTHADS G để nhận phần đất của bà H5, ông M để trả nợ cho ông Đăng theo Quyết định số 214 của Tòa án G. Sau đó, ông Đăng chuyển nhượng phần đất này lại cho ông bà. Diện tích đất sang nhượng, ông bà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31-8-2017. Bà T tranh chấp với CCTHADS G ông bà không liên quan nên và không có yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Ông là Chấp hành viên công tác tại CCTHADS G từ năm 2010 đến tháng 10-2016 chuyển về công tác tại CCTHADS thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh cho đến nay. Ngày 03-7-2014, ông được lãnh đạo phân công theo Quyết định số 2025/QĐ-CCTHA để thực hiện thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 07/2014/QĐ-BPKCTT ngày 03-7-2014 của Tòa án G. Đồng thời, CCTHADS G ra Quyết định cùng số 2025/QĐ-CCTHA ngày 03-7-2014 về việc thi hành án chủ động và ông ký ban hành Quyết định số: 43/QĐ-CCTHADS ngày 03-7-2014 về tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với phần đất theo Quyết định phong tỏa tài sản. Quyết định số 43 và Quyết định số 2025/QĐ-CCTHA ông gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh G do bà Hồ Thị Thơ và bà Lê Thị H5 ký nhận ngày 03-7-2014. Ngày 10-7-2014, ông tiếp tục giao cho bà H5 và Văn phòng đăng ký thêm 01 Quyết định số 2025/QĐ-CCTHA nên hồ sơ có 02 biên bản giao nhận, biên bản giao nhận có vết sửa ngày 03 và ngày 10 do ông ghi nhầm ngày nên ông sửa lại cho đúng. Quyết định số 43 ông căn cứ “Điều 19 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính phủ” là do ông ghi nhầm văn bản hướng dẫn. Ông xác định việc tổ chức thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 07/2014/QĐ-BPKCTT của Tòa án G đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 217, 218, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 của Bộ luật Dân sự; các Điều 3, 6, 7, 12, 52, 53, 76, 78 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Điều 47 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất số tiền 320.672.716 đồng và tiền lãi 206.587.029 đồng, tổng cộng là

527.259.745 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T đối với số tiền 2.097.284 đồng.

Bà Lê Ngọc T không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22-11-2021, bà Lê Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện G xét xử ngày 19-11-2021 là không đúng với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà; đồng lõa, bao che cho hành vi có dấu hiệu “Xâm phạm hoạt động tư pháp của CCTHADS G, đó là hành vi lập hồ sơ khống, hồ sơ giả, làm sai lệch hồ sơ thì hành án gây hậu quả nghiêm trọng cho bà (tôi) trong quá trình giải quyết thi hành án”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G nhận định một cách phiến diện, không đúng với tình tiết khách quan của vụ án; Chấp hành viên CCTHADS G trong quá trình thi hành án cho bà T thực hiện không đúng quy định của pháp luật, làm sai lệch hồ sơ gây thiệt hại cho bà T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, buộc CCTHADS G bồi thường thiệt hại cho bà T số tiền 527.259.745 đồng.

Bà Lê Ngọc T, ông Trần Chí K thống nhất với nội dung trình bày của Luật sư, không bổ sung thêm.

Ông Huỳnh Văn U không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Lê Ngọc T và người đại diện hợp pháp của bà T yêu cầu CCTHADS G bồi thường thiệt hại vật chất cho bà T số tiền tổng cộng 527.259.745 đồng, vì giao diện tích 5.405 m² của bà H5, ông M cho ông Đăng, trong khi diện tích đất trên bị Tòa án nhân dân huyện G áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thi hành án cho bà T, nên gây thiệt hại. Khi tiến hành kê biên, diện tích 5.405 m² đã bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng CCTHADS G không thông báo cho bà T biết, do có vi phạm và bà T khiếu nại, nên CCTHADS G ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-CCTHA ngày 20-7-2015 chấp nhận toàn bộ khiếu nại của bà T và khắc phục vi phạm đó trước khi xử lý tài sản kê biên. Nguyên đơn căn cứ vào Quyết định giải quyết khiếu nại của CCTHADS G, Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-GQKN ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H1 về thụ lý đơn khởi kiện và Quyết định thi hành án về giao tài sản cho ông Đăng gây thiệt hại cho bà T nên yêu cầu bồi thường. Theo quy định tại Điều 12

và Điều 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, các văn bản trên không phải là căn cứ để khởi kiện. Tại phiên tòa, bà T xác nhận ngoài Quyết định giải quyết khiếu nại số 11, bà không nhận bất cứ văn bản nào khác và cũng chưa trực tiếp yêu cầu CCTHADS G bồi thường, nên chưa đảm bảo quy trình theo quy định tại Thông tư số 11, ngày 15-11-2011. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục và bà T cũng chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định. Căn cứ khoản 4 Điều 308, 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, nên không xem xét kháng cáo của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Ngọc T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc T yêu cầu CCTHADS G bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số tiền 527.259.745 đồng, thấy rằng: Theo Điều 21 về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự, quy định: “*Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:*

1. Ra hoặc không ra một trong các quyết định sau đây trái pháp luật:

a) Thi hành án;

b) Hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án;

c) Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án;

d) Cường chế thi hành án;

đ) Hoãn thi hành án;

e) Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án;

g) Tiếp tục thi hành án;

2. Tổ chức thi hành hoặc không tổ chức thi hành một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này trái pháp luật”.

Tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 12 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định:

Khoản 5 Điều 3 quy định: “*Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc là bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường”.*

Khoản 1 Điều 7 quy định: “1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây:

- a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;
- c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại”.

Khoản 1, 2, 3 Điều 12 quy định: “Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự quy định tại Điều 21 của Luật này bao gồm:

- 1. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;
- 2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của người khiếu nại;
- 3. Quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án vì quyết định đó được ban hành trái pháp luật...”.

[3] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-CCTHA ngày 20-7-2015 của CCTHADS G: “Chấp nhận toàn bộ đơn khiếu nại của bà Lê Ngọc T...với nội dung: Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh khi tiến hành kê biên, xử lý tài sản của bà H5, ông M để ưu tiên thanh toán thực hiện nghĩa vụ đối với số nợ của ông Đăng, không thông báo cho bà T biết.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh được phân công tổ chức thi hành án sẽ tổng đạt đầy đủ các thủ tục, giấy báo, các loại Quyết định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết theo quy định của pháp luật”.

Và tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-GQKN ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Ngọc T ngày 14-5-2019, quyết định: “Chấp nhận khiếu nại của bà Lê Ngọc T; yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận lại đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc T thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật”.

[4] Xét 02 văn bản giải quyết khiếu nại của CCTHADS G và của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H1 cho bà Lê Ngọc T là để giải quyết về thủ tục tổng đạt giấy báo, các quyết định về thi hành án và thời hiệu khởi kiện, không thể hiện nội dung nào xác định Chấp hành viên CCTHADS G quá trình thi hành án gây thiệt hại về vật chất cho bà T. Ngày 23-6-2017, CCTHADS G bán tài sản của bà H5, ông M thi hành cho bà T được số tiền 2.097.284 đồng.

[5] Ngoài 02 văn bản giải quyết khiếu nại trên, bà T không nhận và cũng không cung cấp văn nào khác xác định Chấp hành viên trong quá trình thi hành án gây thiệt hại cho bà T theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 12 và Điều 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, nên chưa đủ điều kiện khởi kiện, do đó cấp sơ thẩm thụ lý vụ án để giải quyết là chưa đúng theo quy định tại điểm

b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho bà T. Do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bà T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc T không phải chịu theo quy định tại Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 12, Điều 21, 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án; trả lại đơn khởi kiện cho bà Lê Ngọc T.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc T không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Vũ

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân Phan Thị Mai Dung

Trần Quốc Vũ

